TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2023

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

2. Ông Lê Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2023/TLST- HS ngày 21 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 9 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số 28 ngày 25/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Viết T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn 10, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Viết B và bà Trần Thị N; vợ: Phan Thị Phương U, có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 02/4/2008 Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố H xử phạt 09 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" (đã xóa án tích). Ngày 04/02/2010 Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 24 tháng tù giam về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" (đã xóa án tích). Tạm giữ từ ngày 07/6/2023 đến ngày 10/06/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Viết L, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn 10, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh hóa; nghề nghiệp:Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Viết B và bà Trần Thị N; vợ: Phạm Thị Ngọc H, chưa có con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ ngày 20/4/2023 đến ngày 26/4/2023 chuyển tạm giam, đến ngày 10/7/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị T - sinh năm 1978 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Lê Đình H - sinh năm 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn 5, xã Quảng T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

3. Chị Lê Thị L - sinh năm 1977 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

4. Anh Trương Đình C - sinh năm 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 04/2023, Trịnh Viết T rủ em trai là Trịnh Viết Long (ở chung nhà với T tại thôn 10, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa) sử dụng nguồn tiền của cá nhân cho một số người dân trên địa bàn huyện Q vay với lãi suất từ 3.333 đồng đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 121,67% đến 182,5%/1 năm, vượt quá từ 6,08 đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khi khách có nhu cầu vay tiền, T sẽ trực tiếp trao đổi, thỏa thuận với khách về số tiền vay; tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh kinh tế gia đình của mỗi khách vay T sẽ đưa ra mức lãi suất khác nhau và hàng tháng khách vay phải trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả xong tiền gốc. Khi khách đồng ý vay tiền, T sử dụng tiền của mình trực tiếp đưa cho khách hoặc đưa tiền cho L để L đem đến cho khách vay; đồng thời T, L sẽ cắt trước lãi của tháng đầu tiên và từ các tháng tiếp theo T, L sẽ thu tiền lãi của các khách vay. Toàn bộ số tiền lãi sau khi thu được của khách vay L đều chuyển lại hết cho Thành để phục vụ chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình.

Nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, vào các ngày 20/4/2023 và ngày 07/6/2023 Trịnh Viết L, Trịnh Viết T đã lần lượt đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; đồng thời L giao nộp lại cho Cơ quan điều tra 01 tờ giấy dòng kẻ ngang, góc dưới bên phải có chữ MC, mặt trước và mặt sau ghi tên người vay, ngày vay, số tiền vay để phục vụ công tác điều tra.

Từ tháng 08/2021 đến tháng 04/2023, T, L cho 02 khách vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. T, L cho chị Trần Thị T vay 02 lần, cụ thể:

- *Lần thứ 1:* Ngày 10/8/2021, chị T hỏi vay T số tiền 30.000.000đ không ấn định ngày trả gốc, T đồng ý và thỏa thuận hàng tháng chị T phải trả số tiền lãi là 3.600.000đ cho đến khi trả xong tiền gốc. Sau đó, T đưa tiền cho Long đem đến nhà cho chị T. Khi đưa tiền, L cắt trước tiền lãi tháng đầu tiên số tiền 3.600.000đ, chỉ đưa cho chị Thảo 26.400.000đ. Đến ngày 10/10/2021, chị T đã trả cho T, L được 02

tháng lãi là 7.200.000đ và chưa trả tiền gốc. Với số tiền vay 30.000.000đ, lãi suất 3.600.000đ/tháng sẽ tương đương với mức lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày và 146%/1 năm; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay trên trong vòng 02 tháng là 986.301đ; T, L đã thu lợi bất chính được số tiền là 6.213.699đ.

- *Lần thứ 2:* Cũng trong ngày 10/10/2021, T cho chị T vay thêm số tiền 50.000.000đ không ấn định ngày trả gốc. Hai bên thống nhất cộng khoản tiền vay 50.000.000đ này với khoản tiền nợ gốc 30.000.000đ của lần vay ngày 10/8/2021 tổng cộng là 80.000.000đ và thỏa thuận hàng tháng chị T phải trả tiền lãi cho Long, T là 10.000.000đ/tháng, tương đương với mức lãi suất 4.167đ/1 triệu/1 ngày và 152,08%/1 năm. Khi cho chị T vay thêm 50.000.000đ T, L không cắt trước tiền lãi. Tính đến ngày 20/4/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), chị T vay số tiền 80.000.000đ trong thời gian 18 tháng 10 ngày; số tiền lãi T, L sẽ thu được theo thỏa thuận là 183.333.333đ, trong đó mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản vay là 24.109.589đ; số tiền T, L nhằm thu lời bất chính là 159.223.744đ. Thực tế T, L mới thu được của chị T 02 tháng tiền lãi là 20.000.000đ; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 80.000.000đ trong vòng 02 tháng là 2.630.137đ; số tiền lãi T, L đã thu vượt quá quy định của BLDS là 17.369.863đ.

Tổng số tiền T, L sử dụng cho chị Thảo vay 02 lần trên là 80.000.000đ, trong đó số tiền lãi T, L đã và sẽ thu được theo thỏa thuận là 190.533.333đ; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản vay là 25.095.890đ; số tiền T, L nhằm thu lời bất chính là 165.437.443đ. Thực tế T, L mới thu được của chị Thảo tổng số tiền lãi của cả hai lần vay trên là 27.200.000đ; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.616.438đ; T, L đã thu lời bất chính được số tiền là 23.583.562đ. Hiện tại chị T còn nợ 163.333.333đ tiền lãi và 80.000.000đ tiền gốc.

2. T cho anh Lê Đình H vay 02 lần, cụ thể:

- *Lần thứ 1:* Ngày 15/11/2021, anh H vay số tiền 20.000.000đ không ấn định ngày trả gốc và thỏa thuận tiền lãi tháng đầu tiên là 3.000.000đ (tương đương với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày và 182,5%/1 năm) và từ tháng thứ 2 trở đi tiền lãi hàng tháng là 2.000.000đ (tương đương với lãi suất 3.333đ/1 triệu/1 ngày và 121,67%/1 năm) cho đến khi trả xong tiền gốc. Khi đưa tiền T cắt trước tiền lãi tháng đầu tiên số tiền 3.000.000đ, chỉ đưa cho anh H 17.000.000đ; từ các tháng tiếp theo Long sẽ trực tiếp thu lãi của anh H. Tính đến ngày 15/12/2021, anh H đã trả được 01 tháng lãi là 3.000.000đ và chưa trả tiền gốc; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay trên trong vòng 01 tháng là 328.767đ; số tiền đã thu lợi bất chính là 2.671.233đ.

- *Lần thứ 2:* Ngày 15/12/2021, anh H vay thêm của T số tiền 30.000.000đ, không ấn định ngày trả gốc. Hai bên thống nhất cộng khoản tiền vay 30.000.000đ

này với khoản tiền nợ gốc 20.000.000đ của lần vay ngày 15/11/2021 tổng cộng là 50.000.000đ và thỏa thuận hàng tháng anh H phải trả tiền lãi cho L, T là 5.000.000đ/tháng, tương đương với mức lãi suất 3.333đ/1 triệu/1 ngày và 121,67%/1 năm. Khi cho anh H vay thêm 30.000.000đ T, L không cắt trước tiền lãi. Tính đến ngày 20/4/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), anh H vay số tiền 50.000.000đ trong thời gian 16 tháng 05 ngày; số tiền lãi T, L sẽ thu được theo thỏa thuận là 80.833.333đ, trong đó mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản vay là 13.287.671đ; số tiền T, L nhằm thu lời bất chính là 67.545.662đ. Thực tế T, L mới thu được của anh H 11 tháng tiền lãi là 55.000.000đ; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 50.000.000đ trong vòng 11 tháng là 9.041.096đ; số tiền lãi T, L đã thu vượt quá quy định của BLDS là 45.958.904đ. Hiện tại anh H còn nợ lại T, L 25.833.333đ tiền lãi và 50.000.000đ tiền gốc.

Tổng số tiền T, L sử dụng cho anh H vay 02 lần trên là 50.000.000đ, trong đó số tiền lãi T, L đã và sẽ thu được theo thỏa thuận là 83.833.333đ; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản vay là 13.616.438đ; số tiền T, L nhằm thu lời bất chính là 70.216.895đ. Thực tế T, L mới thu được của anh H tổng số tiền lãi của cả hai lần vay trên là 58.000.000đ; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.369.863đ; T, L đã thu lời bất chính được số tiền là 48.630.137đ.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 04/2023, Trịnh Viết T cùng em trai là Trịnh Viết L đã sử dụng tổng số tiền **130.000.000đ** của cá nhân cho chị Trần Thị T, anh Lê Đình H vay với mức lãi suất từ 121,67% đến 182,5%/1 năm, vượt quá từ 6,08 đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trong đó: Tổng số tiền lãi T, L đã và sẽ thu được theo thỏa thuận của chị T, anh H là 274.366.667đ; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với các khoản vay trên là 38.712.329đ; số tiền T, L nhằm thu lời bất chính là **235.654.338đ.**

Thực tế T, L mới thu được tổng số tiền lãi của chị T, anh H là 85.200.000đ; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của các khoản vay là 12.986.301đ; T, L đã thu lời bất chính được số tiền là 72.213.699đ.

Ngoài giúp sức cho Trịnh Viết T đưa tiền và thu tiền lãi của chị T, anh H; Trịnh Viết L còn sử dụng tiền của mình cho một số người dân trên địa bàn huyện Quảng Xương vay tiền với lãi suất cao, cụ thể:

1. Ngày 06/4/2021, L cho chị Lê Thị L vay số tiền 10.000.000đ không ấn định ngày trả gốc; hàng tháng chị L phải trả cho L tiền lãi là 1.200.000đ/ tháng, tương đương với mức lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày và 146%/1 năm. Khi cho vay, L cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên số tiền 1.200.000đ và đưa cho chị Lý số tiền 8.800.000đ. Đến ngày 06/3/2023, chị L đã trả cho L 10.000.000đ tiền gốc và 23

tháng tiền lãi là 27.600.000đ. Với số tiền vay 10.000.000đ trong thời gian 23 tháng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.780.822đ; số tiền lãi L đã thu lợi bất chính là 23.819.178đ.

2. L cho anh Trương Đình C vay 02 lần, cụ thể:

- *Lần thứ 1:* Ngày 05/6/2022, L cho anh C vay số tiền 10.000.000đ không ấn định ngày trả gốc, hàng tháng anh C phải trả cho Long tiền lãi là 1.200.000đ/ tháng, tương đương với mức lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày và 146%/1 năm. Khi cho vay, L cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên số tiền 1.200.000đ và đưa cho anh C số tiền 8.800.000đ. Đến tháng 9/2022, anh C đã trả cho Long 10.000.000đ tiền gốc và 04 tháng tiền lãi là 4.800.000đ. Với số tiền vay 10.000.000đ trong thời gian 04 tháng thì mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 657.534đ; số tiền lãi L đã thu lợi bất chính là 4.142.466đ.

- *Lần thứ 2:* Ngày 12/8/2022, L cho anh C vay số tiền 5.000.000đ không ấn định ngày trả gốc, hàng tháng anh C phải trả cho L tiền lãi là 600.000đ/ tháng, tương đương với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày và 146%/1 năm. Khi cho vay, L cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên số tiền 600.000đ và đưa cho anh C số tiền 4.400.000đ. Đến 18/12/2022, anh C đã trả cho Long 5.000.000đ tiền gốc và 05 tháng tiền lãi là 3.000.000đ. Với số tiền vay 5.000.000đ trong thời gian 05 tháng thì mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 410.959đ; số tiền lãi L đã thu lợi bất chính là 2.589.041đ.

Tổng số tiền Trịnh Viết L sử dụng cho anh C vay 02 khoản vay trên là 15.000.000đ, số tiền lãi L đã thu được theo thỏa thuận là 7.800.000đ; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của các khoản vay là 1.068.493đ; số tiền L đã thu lời bất chính là 6.731.507đ**.**

Trong thời gian từ tháng 04/2022 đến tháng 12/2022, Trịnh Viết L đã sử dụng tổng số tiền 25.000.000đ của mình cho chị L, anh C vay với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày và 146%/1 năm, vượt quá 7,3 lần mức lãi suất vay cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trong đó số tiền lãi theo thoả thuận L đã thu được của chị L, anh C là 35.400.000đ; số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 4.849.315đ; số tiền lãi L đã thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự nhằm thu lợi bất chính là 30.550.685đ**.**

Như vậy, Trịnh Viết L ngoài phải chịu trách nhiệm hình sự trong việc giúp sức cho Trịnh Viết T cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính tổng số tiền **235.654.338đ** thì L còn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tự mình cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính với số tiền **30.550.685đ**. Do đó, L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự với tổng số tiền nhằm thu lợi bất chính là **266.205.023đ**.

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKSQX ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Trịnh Viết T, Trịnh Viết L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

1. Trịnh Viết T: Khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

2. Trịnh Viết L: Khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

+ Về phạt bổ sung: Phạt tiền cả 02 bị cáo, mỗi bị cáo từ 35.000.000đ đến 40.000.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước.

+ Về các biện pháp tư pháp:

Về hành vi cho vay lãi nặng của Trịnh Viết T: Quá trình giúp sức cho Trịnh Viết T trong việc cho vay lãi nặng, toàn bộ số tiền lãi L thu được đều chuyển lại cho Thành nên cần buộc T phải thực hiện các khoản tiền sau:

- Đối với số tiền nợ gốc mà chị Trần Thị T; anh Lê Đình H chưa trả cho Trịnh Viết T, cụ thể: chị T còn nợ 80.000.000đ; anh H còn nợ 50.000.000đ. Đây là số tiền của T dùng vào việc phạm tội nên cần buộc chị T, anh H phải nộp lại số tiền nợ này để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 12.986.301đ là tiền lãi T đã thu được của chị T, anh H tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, không tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của T số tiền này để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền T đã thu lãi của chị T, anh H vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự là 72.213.699đ, trong đó: chị Trần Thị Thảo: 23.583.562đ; anh Lê Đình H: 48.630.137đ. Quá trình điều tra xác định, chị T, anh H đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp. Đây là khoản tiền T đã thu lời bất chính của những người vay nên cần buộc T phải trả lại số tiền này cho những người vay.

Về hành vi cho vay lãi nặng của Trịnh Viết L:

- Đối với số tiền nợ gốc chị Lê Thị L, anh Trương Đình C đã trả cho L với tổng số tiền là 25.000.000đ, (trong đó: chị L trả 10.000.000đ; anh C trả 15.000.000đ). Đây là tiền L sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu của L số tiền này để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 4.849.315đ là tiền lãi L đã thu được của chị L, anh C tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự,

không xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của L để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi L đã thu của người vay vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự, gồm: chị L 23.819.178đ; anh Cường 6.731.507đ, cần buộc L phải trả lại số tiền này cho những người vay.

+ Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà hôm nay: Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các chứng cứ tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ.

[2.1]. Đủ cơ sở chứng minh: Xuất phát từ động cơ tư lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 04/2023, Trịnh Viết T đã sử dụng tổng số tiền 130.000.000đ cho chị Trần Thị T, anh Lê Đình H vay tiền với mức lãi suất từ 121,67%/ năm đến 182,5%/ năm, vượt quá từ 6,08 đến 9,13 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Trịnh Viết L giúp T trong việc đưa tiền và thu tiền lãi của khách vay nhằm giúp T thu lời bất chính với tổng số tiền **235.654.338đ.**

[2.2]. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 04/2022 đến tháng 12/2022, Trịnh Viết Long còn sử dụng số tiền 25.000.000đ của mình cho chị Lê Thị L, anh Trương Đình C vay tiền với lãi suất 146%/ năm, vượt quá 7,3 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và đã thu lời bất chính được tổng số tiền **30.550.685đ.**

[2.3]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trịnh Viết T, Trịnh Viết L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự

là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Trịnh Viết T, Trịnh Viết L có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", do cả hai bị cáo thu lời số tiền bất chính "từ 100.000.000đ trở lên", nên cả hai đều phải chịu trách nhiệm hình sự được qui định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3.]. Về tính chất vụ án: Trong vụ án này các bị cáo đã lợi dụng nhu cầu cần vay tiền của người dân, muốn vay tiền một cách nhanh nhất mà không cần thế chấp và không phải thực hiện các thủ tục gì, đã cho vay tiền với lãi suất cao từ 121,67%/ năm đến 182,5%/ năm, vượt quá từ 6,08 đến 9,13 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và từ với lãi suất 146%/1 năm, vượt quá 7,3 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nhằm thu lời bất chính. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó phải đ- ợc xử lý nghiêm minh.

[4]. Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: cả 02 bị cáo là người có nhận thức, nhưng cũng chỉ vì muốn kiếm tiền một cách nhanh nhất mà không phải bỏ công sức lao động của mình đã thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao để thu lời bất chính, dẫn đến phạm tội. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó Trịnh Viết T là người có tiền và sử dụng tiền trực tiếp cho vay, thu lãi và nhờ Long đưa tiền, thu tiền lãi của khách vay mang về cho T, nên T giữ vai trò thứ nhất. Trịnh Viết L ngoài giúp sức cho T còn tự mình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên đánh giá L có vai trò ngang với T. Cả hai bị cáo đều có chung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4.1]. Cả hai bị cáo đều là anh em ruột sống trong một nhà, sau khi phạm tội nhận thấy sai phạm của mình đã ra đầu thú và thành khẩn khai báo, được sự tác động của gia đình và nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật cả hai bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền thu lời bất chính cho cơ quan pháp luật, hiện nay đang lưu giữ tại thi hành án huyện Quảng Xương (T đã nộp số tiền 12.986.302đ; Long đã nộp số tiền 29.849.315đ); bị cáo L còn tự nguyện trả số tiền thu lãi bất chính cho anh Trương Đình C số tiền 6.731.507đ (có xác nhận của anh Cường), bị cáo Long thay bị cáo T trả cho chị Trần Thị T số tiền thu lãi bất chính là 23.583.562đ (có xác nhận của chị Thảo); cả hai bị cáo có bố đẻ là ông Trịnh Viết B là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3 vì đã có thành tích phục vụ trong quân đội và được Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Q, huyện Quảng Xương tặng Giấy khen có thành tích trong phong trào xây dựng nông thôn mới, bố của hai bị cáo là người thờ cúng chú ruột là liệt sỹ hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ (có xác nhận của địa phương). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự cho cả hai bị cáo được qui định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4.2]. Xét bị cáo T có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xét xử đã được xóa án, nay lại tiếp tục phạm tội, vì vậy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với bị cáo L xét thấy có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, bị cáo là em ruột của bị cáo T, bị cáo mới xây dựng gia đình, vợ bị cáo sắp sinh con, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân là lao động chính (có xác nhận của địa phương), bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ như nêu trên, nghĩ nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội mang tính chất vụ lợi, nên áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt tiền cáo T, bị cáo L mỗi bị cáo 40.000.000đ là phù hợp.

[6]. Về các biện pháp tư pháp:

[6.1]. *Về hành cho vay lãi nặng của Trịnh Viết T:* Quá trình giúp sức cho Trịnh Viết T trong việc cho vay lãi nặng, toàn bộ số tiền lãi Long đã thu được đều chuyển lại hết cho T nên cần buộc Trịnh Viết T phải thực hiện các khoản tiền sau:

- Đối với số tiền nợ gốc mà chị Trần Thị T; anh Lê Đình H chưa trả cho T, cụ thể: chị T còn nợ 80.000.000đ; anh H còn nợ 50.000.000đ. Đây là số tiền của T dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS cần buộc chị T, anh H phải nộp lại số tiền này để tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 12.986.301đ là tiền lãi T đã thu được của chị T, anh H tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của T số tiền này để sung công quỹ Nhà nước. Ngày 27/9/2023 bị cáo L đã đến cơ quan thi hành án huyện Quảng Xương nộp thay bị cáo T số tiền này thể hiện tại biên lai thu số 0005089 (bị cáo T đã nộp xong)

- Đối với số tiền T đã thu lãi của chị Trần Thị T anh Lê Đình H vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự tổng là: 72.213.699đ, trong đó: chị T 23.583.562đ, anh Hùng: 48.630.137đ. Quá trình điều tra xác định chị T, anh H đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp. Đây là khoản tiền T đã thu lời bất chính của những người vay nên áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS cần buộc T phải trả lại số tiền này cho những người vay. Hiện nay bị cáo T đã trả cho chị Thảo số tiền 23.583.562đ (chị T có giấy xác nhận), buộc bị cáo T phải trả lại số tiền cho anh H là: 48.630.137đ.

[6.2]. *Về hành vi cho vay lãi nặng của Trịnh Viết L*

- Đối với số tiền nợ gốc chị chị Lê Thị L, anh Trương Đình C đã trả cho L với tổng số tiền là 25.000.000đ, trong đó: chị L trả 10.000.000 đồng; anh C trả 15.000.000 đồng. Đây là tiền L sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS cần tịch thu của L số tiền này để sung nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 4.849.315đ là tiền lãi L đã thu được của chị Lý, anh Cường tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội cần tịch thu của để sung công quỹ Nhà nước. Tổng hai khoản phải truy thu của L là 29.849.315đ và ngày 27/9/2023 bị cáo Long đã đến cơ quan thi hành án huyện Q nộp số tiền này thể hiện tại biên lai thu số 0005090 (bị cáo L đã nộp xong)

- Đối với số tiền lãi L đã thu của người vay vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự, gồm: chị L 23.819.178đ; anh C 6.731.507đ, Quá trình điều tra xác định, chị L, anh C đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp. Đây là khoản tiền Trịnh Viết L đã thu lời bất chính của những người vay nên áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS cần buộc L phải trả lại số tiền này cho những người vay. Hiện nay bị cáo Long đã trả cho anh C số tiền 6.731.507đ (anh C có giấy xác nhận), buộc bị cáo L phải trả lại số tiền cho chị L 23.819.178đ.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 BLHS (đối với T và L); Điều 38 (đối với Thành); Điều 65 (đối với L). Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Tuyên bố: Trịnh Viết T, Trịnh Viết L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

1. Xử phạt: Trịnh Viết T 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 07/6/2023.

2. Xử phạt: Trịnh Viết L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo theo qui định tại khoản 5 Điều 65 BLHS.

***Về hình phạt bổ sung:** Phạt bị cáo T 40.000.000đ, bị cáo L 40.000.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước.

*** Về các biện pháp tư pháp:**

- Tịch thu bị cáo T số tiền 12.986.301đ để sung nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền bị cáo T đã tự nguyện giao nộp tại thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên lai thu số 0005089 ngày 27/9/2023 (bị cáo đã nộp đủ)

- Tịch thu từ chị Trần Thị T số tiền 80.000.000đ; anh Lê Đình H số tiền 50.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo T phải trả lại cho chị Trần Thị T số tiền 23.583.562đ; anh Lê Đình H số tiền 48.630.137đ. Hiện bị cáo đã trả đủ cho chị Trần Thị T số tiền 23.583.562đ.

- Tịch thu từ bị cáo L số tiền 25.000.000đ và số tiền 4.849.315đ, tổng là 29.849.315đ để sung nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền bị cáo L đã tự nguyện giao nộp tại thi hành án dân sự huyện Q theo biên lai thu số 00050909 ngày 27/9/2023 (bị cáo đã nộp đủ)

- Buộc bị cáo Long phải trả cho chị Lê Thị L số tiền 23.819.178đ; anh Trương Đình C số tiền 6.731.507đ. Hiện bị cáo đã trả đủ cho anh Trương Đình C số tiền 6.731.507đ.

*** Về án phí:** Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thi ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a ,9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện Q

TM. H□I □□NG X□T X□ S□ THỘM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Công an huyện Q
- THA DS huyện Q
- L- u hồ sơ.

(đã ký)

Bùi Thị Huyền